

MỘT VÀI CHỈ SỐ THỐNG KÊ

MÀ KHOA HỌC XÃ HỘI QUAN TÂM

TÔN THIỆN CHIỂU

Ngày nay, một trong những công cụ quan trọng để các khoa học xã hội, nhất là kinh tế học và xã hội học, nắm bắt thực trạng xã hội chính là các số liệu thống kê. Các số liệu thống kê, chỉ số thống kê phản ánh các mặt khác nhau của đời sống xã hội như sản xuất vật chất, hoạt động văn hóa, phân bố dân cư, lao động... diễn ra theo từng thời điểm khác nhau. Đó chính là chỉ báo phản ánh sự phát triển các quá trình quản lý kinh tế, xã hội, văn hóa tinh thần của các ngành, các địa phương.

Các chỉ số thống kê đo được tập hợp từ cơ sở hoặc từ cuộc tổng điều tra dân số lại do một cơ quan chuyên môn tiến hành, cho nên chúng mang độ tin cậy cao. Chính vì lẽ đó, các tổ chức, các cơ quan, xí nghiệp những người làm công tác quản lý cũng như những người nghiên cứu khoa học đều có thể dựa vào chúng để vạch kế hoạch sắp tới của mình.

Việc sử dụng các số liệu thống kê vào nghiên cứu sự phát triển xã hội là tất yếu khách quan. Thông qua những con số đó, những người nghiên cứu khoa học có thể nhìn nhận xã hội một cách khách quan hơn và bám sát thực tiễn hơn. Song, hiện nay việc sử dụng các số liệu thống kê vào nghiên cứu khoa học còn nhiều hạn chế. Điều đó có thể do những nguyên nhân sau :

- Mỗi khoa học xã hội có một đối tượng, cách tiếp cận riêng của mình, cho nên nhìn nhận xã hội theo những chỉ số khác nhau. Trong khi đó, các con số được ngành thống kê đưa ra lại theo yêu cầu của chính ngành thống kê, nên trong thống kê thiếu những con số mà các nhà khoa học khác cần thiết.

- Các số liệu thống kê do Tổng cục thống kê quản lý theo đối tượng của ngành. Nhiều hiện tượng xã hội chưa được đưa vào các niên giám thống kê, nhất là các chỉ số thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần của xã hội, các phương tiện thuộc gia đình, cá nhân, mối quan hệ chính trị.

- Số liệu thống kê hiện nay rất nghèo nàn về nội dung, cho nên khả năng phân tích sự kiện xã hội dựa trên các số liệu thống kê rất hạn chế. Thông thường các số liệu thống kê quá tập trung vào các chỉ số kinh tế do các xí nghiệp, cơ quan đưa lên thiếu sự phân tích cụ thể. Ví dụ, có đưa ra số lượng người đi xem hàng năm theo các loại hình nghệ thuật, song con số chỉ dừng lại đó mà không thể nhận xét gì hơn, là tầng lớp, nghề nghiệp, lứa tuổi nào đi xem nhiều nhất? Lứa tuổi, giới tính có ảnh hưởng đến số lần đi xem hay không? Các thể loại đề tài nào, vở diễn nào đượ công chúng hâm mộ nhất?... Những con số này rất cần thiết cho khoa học xã hội, cũng như những người làm công tác thực tiễn, cũng chưa có trong các niên giám thống kê.

- Một số khái niệm đưa ra giữa khoa học xã hội và thống kê học chưa được thống nhất, chẳng hạn khái niệm giai cấp, nghề nghiệp xã hội. Điều đó cũng dẫn đến việc khoa học xã hội khó sử dụng các con số thống kê.

- Các đặc điểm của từng địa phương ít được thể hiện trên niên giám thống kê do Tổng cục thống kê cung cấp, mà lại do cơ quan thống kê địa phương cung cấp. Yếu tố này cũng gây khó khăn cho việc so sánh trong công tác của những người nghiên cứu khoa học xã hội (vì ít mượn được đầy đủ tài liệu của các địa phương trong một thời gian ngắn).

Chính vì những lý do trên, chúng tôi mong muốn thông qua tổng điều tra dân số, cũng như niên giám thống kê hàng năm có thêm những số liệu mới phản ánh toàn diện đời sống xã hội hiện nay. Tất nhiên những số liệu đó có thể là do các cơ sở cung cấp, cũng có thể là các cuộc điều tra mẫu đưa vào. Thông qua những con số như vậy chúng tôi, những người nghiên cứu khoa học xã hội cũng như các cán bộ quản lý hy vọng sẽ nhìn nhận đầy đủ hơn thực trạng xã hội theo từng lĩnh vực. Cụ thể là:

I- DÂN SỐ- LAO ĐỘNG

Bên cạnh các điều kiện địa lý, thiên nhiên thì dân số là một cơ sở quan trọng để xác định đúng đắn kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của một địa phương. Nói đến dân số- lao động, ngoài việc chú trọng đến số lượng, chúng ta còn phải chú ý đến chất lượng của chúng. Chính vì lẽ đó, chúng tôi mong muốn có những con số cụ thể theo từng thời gian.

Về dân cư:

1. Trong các niên giám hằng năm nên đưa thêm phần cơ cấu dân cư theo giới tính và lứa tuổi (tháp tuổi). Qua tháp tuổi, chúng ta sẽ thấy được sự phát triển dân số như thế nào qua từng giai đoạn và chất lượng của dân cư (bao nhiêu lao động phải nuôi 100 người chưa hoặc quá tuổi lao động). Khi xây dựng tháp tuổi có chú ý đến hai đối tượng: dân cư nông nghiệp và phi nông nghiệp (hoặc dân cư đô thị và ntho). Nếu có thể được, cho tháp tuổi một số khu vực điển hình: Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, vùng núi phía Bắc và các tỉnh Tây Nguyên.

2. Trong phần dân cư, có thể đưa thêm vào :

a) Quy mô gia đình : số người cùng sống trong một mái nhà (căn hộ) mà có chung kinh tế (ăn chung một mâm). Ở đây cũng phân chia theo 6 địa điểm trên đây.

b) Số con một cặp vợ chồng sinh ra và số con theo tuổi của mẹ (tuổi của mẹ chia theo khoảng: <20, 20-24, 25-29, 30-34, 35-39 và 40 trở lên).

Số con theo nghề nghiệp của mẹ. Trong khi chưa có những định nghĩa chính thức do các cấp có thẩm quyền vạch ra, chúng ta còn tạm thời phân chia thành các nhóm nghề nghiệp sau :

- Trí thức : là những người cán bộ có trình độ học vấn từ đại học trở lên, làm việc trong cơ quan nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy, bác sĩ, kỹ sư làm việc tại các nhà máy nhưng họ không trực tiếp đứng máy, văn nghệ sĩ, giáo viên dạy học các trường phổ thông nhưng chưa có bằng đại học, hoặc các chuyên viên ở các cơ quan mà chưa qua đại học cũng không nằm trong tầng lớp này.

- Viên chức : những người làm trong các cơ quan nhà nước, chưa có bằng đại học nhưng không trực tiếp sản xuất. Ví dụ: nhân viên kế toán, bán hàng, văn thư ở các ngành.

- Công nhân : đó là những người trực tiếp tham gia sản xuất (kể cả kỹ sư mà đứng máy) trong các cơ sở quốc doanh, tư nhân, như: nhà máy, xí nghiệp sản xuất, các công trường xây dựng, giao thông, và cả những người sản xuất trong các cơ sở nghiên cứu khoa học: thợ điện, lái xe, v.v..., công nhân các trạm sửa chữa.

- Thợ thủ công: đó là những người tham gia sản xuất và làm việc trong các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở thành thị cũng như nông thôn, cũng như các thợ thủ công làm nghề sửa chữa cá thể

- Nông dân : là những người tham gia trên mặt trận nông nghiệp, bao gồm cả tập thể và cá thể. (Công nhân các nông lâm trường có thể ghép vào công nhân hoặc chia thành một tầng lớp gọi là công nhân nông nghiệp).

Buôn bán, dịch vụ : những người đang trong độ tuổi lao động nhưng không làm trong các ngành hoặc các cơ quan sản xuất của nhà nước hoặc tập thể. Họ mở các cửa hàng tư nhân có thuế hoặc không thuế. Ví dụ: buôn bán bách hóa, bán rau, dịch vụ ăn uống...

- Những người chưa có nghề nghiệp ổn định hoặc không có việc làm (họ đang trong tuổi lao động).

Chú ý : Những người đã quá tuổi lao động thì căn cứ vào nghề nghiệp cũ để đưa họ vào các nhóm nghề nghiệp thích hợp.

c) Số cặp kết hôn trong một năm (cũng phân chia theo 6 địa điểm đã nêu). Chỉ cần nêu tỷ lệ số người trong tổng dân số của khu vực đó.

d) Một chỉ báo nêu lên quá trình hòa nhập giữa các dân tộc, mà cũng là chỉ báo nêu lên kết quả của quá trình đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới- chỉ báo về dân tộc của các cặp vợ chồng. Có thể đưa chỉ số này dưới dạng sau:

Vợ Chồng	Kinh	Dân tộc khác
Kinh	%	%
Dân tộc khác	%	%

Chỉ báo này nên tính cho một số vùng như: Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ và vùng núi phía Bắc.

Những số liệu trên không chỉ cần thiết cho những người làm công tác nghiên cứu, còn giúp ích cho thực hiện chương trình kế hoạch hóa gia đình và sinh đẻ có kế hoạch.

3. Sự lưu chuyển (di cư) của dân cư (tăng cơ học) trong tác tỉnh:

Ngoài các chỉ số chung, chúng tôi muốn biết dòng di chuyển nông thôn sang đô thị hay ngược lại hàng năm là bao nhiêu (cho trong tỷ số % trên tổng số dân cư của tỉnh đó).

Trong phần lao động, ngoài các con số được đưa ra trong niên giám thống kê chúng tôi muốn biết thêm :

1. Cơ cấu các nghề nghiệp (như đã nêu ra ở trên) trong tổng số dân cư ở lứa tuổi lao động. Chúng tôi muốn biết theo 6 khu vực đặc thù đã nêu. Đây là chỉ báo nêu lên cơ cấu hai cấp-ngành nghiệp của xã hội trong từng giai đoạn.

Hiện nay trong niên giám thống kê có đưa ra sự phân bổ lao động trong các ngành kinh tế. Song, trong mỗi ngành kinh tế, chúng ta không thể biết ngành đó có bao nhiêu nhân viên chức, trí thức, công nhân...

2. Cơ cấu nội tại của từng giai cấp- nghề nghiệp (theo sự phân loại tạm ở trên theo giới tính, lứa tuổi. Nghĩa là chúng ta xét, chẳng hạn, hiện nay trong công nhân thì các lớp tuổi của nam, nữ là bao nhiêu (thấp tuổi của công nhân). Chúng tôi mong muốn có cơ cấu này ở một số thành phố mang các chức năng khác nhau, và thời gian hình thành thành phố này.

3. Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học trong các ngành kinh tế quốc dân. Cụ thể là bao nhiêu người có trình độ đại học trở lên trong các ngành kinh tế (theo sự sắp xếp hiện nay của Tổng cục thống kê : công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, y tế, giáo dục, khoa học, quản lý).

Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học trở lên trong ngành sản xuất tiểu thủ công, trong nông nghiệp tập thể (hợp tác xã) và có trình độ đại học trở nên nhưng chưa có việc làm cố định. Các chỉ số này nêu lên chất lượng nội tại của các tầng lớp giai cấp- nghề nghiệp, nhưng đồng thời cho ta thấy được hiệu quả của sự nghiệp đào tạo đại học đối với các ngành kinh tế quốc dân.

4. Tỷ lệ lao động nữ trong các ngành kinh tế quốc dân:

- Công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa giáo dục, y tế, văn hóa khoa học và quản lý.

- Tiểu thủ công nghiệp ở hai khu vực đô thị và nông thôn.

- Sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp, sản xuất ngư nghiệp.

5- Tỷ lệ của phụ nữ trong các cơ quan dân cư như:

- Quốc hội.

- Hội đồng nhân dân tỉnh cấp tỉnh thành phố và đặc khu.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện, quận và cấp tương đương.

- Hội đồng nhân dân cấp xã phường.

6. Trình độ học vấn của những người trong độ tuổi lao động chia theo nam và nữ. Trình độ học vấn có thể phân chia như sau :

- Chưa xong phổ thông cơ sở.

- Đã qua phổ thông cơ sở nhưng chưa xong phổ thông trung học.

- Đã qua phổ thông trung học.

- Đang học đại học (kể cả tổ chức hoặc chuyên tu).

- Đã học xong đại học.

7. Trình độ học vấn của từng tầng lớp:

- Công nhân.
- Viên chức
- Thợ thủ công,
- Nông dân.

Trình độ học vấn cũng chia ra làm 5 mức như đã xác định ở trên, và trong mỗi tầng lớp có chia ra nam và nữ.

8 - Trình độ học vấn của công nhân theo đặc thù lao động (có phân chia theo giới tính):

- Công nhân công nghiệp nặng.
- Công nhân ngành công nghiệp nhẹ.
- Công nhân ngành khai thác mỏ.
- Công nhân ngành vận tải,
- Công nhân ngành xây dựng.

II. XÂY DỰNG (KINH TẾ)

Chúng tôi muốn có thêm một chỉ báo về sự phát triển kinh tế là tổng số diện tích nhà ở xây dựng được trong năm, tổng số diện tích sử dụng (nhà ở) và số căn hộ trong một năm. Ở đây chúng tôi mong muốn có các con số thuộc khu vực nhà nước hoặc tập thể xây dựng, còn của cá thể vì rất khó nên tạm bỏ qua.

Trên đây là một số chỉ số tke chúng tôi quan tâm mà các đồng chí có thể thông qua những báo cáo từ cơ sở và tổng điều tra dân số hoặc điều tra mẫu đưa ra. Tất nhiên, do thiếu hụt những kiến thức tổng hợp tke, và nhất là cách quản lý theo ngành dọc nên có những con số có thể mang yêu cầu quá cao. Hơn nữa, có những tiêu chuẩn (chỉ báo) mà chúng tôi đưa ra chưa thật sự chuẩn xác để các đồng chí dễ dàng trong tổng hợp tke. Chúng ta có thể cùng nhau thảo luận về những tiêu thức đó để đáp ứng được yêu cầu và khả năng của các bên. Có được những chỉ số mà chúng tôi đưa ra, nhất là trong phạm vi từng tỉnh và cả nước là rất quý báu trong việc nghiên cứu và quản lý xã hội. Hiện nay chúng tôi đã có một số số liệu như vậy, nhưng chỉ mang tính chất mẫu mà lại mẫu quá nhỏ, của một số nhà máy, địa phương. Với một mẫu bé như vậy, khó có thể nhìn nhận thực trạng ở một địa phương, chứ chưa nói đến toàn quốc.

Những chỉ số đưa ra trên đây là một phần nhỏ trong những con số chúng tôi cần trong nghiên cứu xã hội, mà trong niên giám tke chưa đề cập đến. Có được những số liệu như vậy sẽ giúp cho chúng ta nhìn nhận trọn vẹn thực trạng kinh tế- xã hội hơn.